

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 27 - 7 - 2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Duyên.

Ông Trần Sóng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Q**, sinh năm 1976

HKTT: Tổ 12, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 7, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Q, anh H đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022, bản tự khai đề ngày 07/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Nguyễn Thanh H chung sống như vợ chồng từ năm 1995. Do không am hiểu pháp luật nên đến ngày 28/5/2019

anh chị mới đến UBND xã X, huyện Thống Nhất đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị.

Thời điểm chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau. Anh H là người đàn ông gia trưởng, thường xuyên tỏ ra khó chịu mỗi lần chị giao lưu với bạn bè. Bản thân anh H luôn cấm cản không muốn chị Q tiếp xúc giao lưu với người khác còn mình thì được quyền tụ tập bạn bè. Mặt khác, anh H tính tình cộc cằn thô lỗ, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lại “thượng cẳng chân, hạ cẳng tay” đánh đập chị Q không thương tiếc. Chị Q đã nhiều lần nhẫn nhịn vì thương con cái.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng từ ngày 22/02/2022 nguyên nhân do anh H nghi ngờ chị chi tiêu tài chính trong gia đình không minh bạch. Do vào năm 2021 chị Q có tham gia chơi mấy dây hội, chị làm chủ hội tuy nhiên bị con hội giật dẫn đến nợ nần. Anh H không thông cảm cho chị thường xuyên đem chuyện tiền bạc ra để xúc phạm danh dự chị. Chị Q đã nhiều lần giải thích nhưng anh H không nghe và hành hung, đánh đập chị, đẩy chị ngã xuống nền nhà dùng tay đấm vào ngực chị nhiều lần dẫn đến bầm tím. Do là người sống nội tâm nên chị chỉ nói chuyện với cha mẹ để của chị ngoài ra không ai biết và chị cũng không trình báo với công an xã.

Cũng từ ngày 22/02/2022 đến nay chị Q bỏ về nhà con trai tại tổ 7, ấp T, xã X để sinh sống, từ đó vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được. Nay chị đã hết tình cảm với anh H, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Nguyễn Chí L sinh năm 1996. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* ***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

+ Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Nguyễn Chí L sinh năm 1996. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Thanh H hiện đang cư trú tại tổ 12, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Thanh H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/5/2019. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị Q và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian sống chung anh H và chị Q không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà thường xuyên gây gổ, thậm chí xảy ra xô xát làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng. Từ thời điểm 22/02/2022 do mâu thuẫn nên chị Q đã bỏ về nhà con trai của anh chị tại tổ 7 ấp T, xã X để sống, anh H cũng không có

biện pháp gì hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình.

Qua kết quả Tòa án thu thập chứng cứ trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh H căng thẳng, có lần chị Q bị anh H đánh đập bầm tím và chị Q phải chịu áp lực rất nhiều khi sống chung với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức Hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh H đều vắng mặt, cả anh H và chị Q đều không có ý thức hàn gắn hay có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị Q và anh H đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Nguyễn Chí L sinh năm 1996. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Q xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí DSST*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về đường lối giải quyết vụ án* là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Q về việc “*Ly hôn*”, chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Thanh H chung sống có 01 (một) con chung là Nguyễn Chí L, sinh năm 1996. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003565 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- CC THADS huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã X, H. Thống Nhất
(giấy CNKH số 39 ngày 28/5/2019);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, - tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà **Hà Thị Linh Thúy**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về “Xin ly hôn”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Vương** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

* *Ý kiến của HTND Thom*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

* *Ý kiến của HTND - Thúy*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thom.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

* *Ý kiến của HTND - Thúy*:

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011 cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bầu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

* *Ý kiến của HTND Thom*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA